

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LÊ CHÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2022/HNGĐ-ST
Ngày 14-9-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hà Thị Nga

Bà Phạm Thị Bích Ngọc

- T ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngọc Trâm - T ký Toà án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Anh T - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 494/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 545/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị T; nơi cư trú: Số 25G (số mới 65G) L, phường L, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Trọng T; nơi cư trú: Số 25G (số mới 65G) L, phường L, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết vụ dân sự xin ly hôn, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

Chị và anh Trần Trọng T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình, đám cưới tổ chức theo phong tục Việt Nam. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đa Phúc, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng

ngày 15/3/2001. Sau khi kết hôn anh chị sống hòa thuận đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm và anh T nghiện ma túy nhiều năm nay dẫn đến việc vợ chồng xảy ra xô sát đánh cãi nhau. Năm 2012, anh T bị Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh xử 07 năm tù về tội vận chuyển trái phép chất ma túy và được ra tù năm 2018. Hiện nay anh T đang liên quan đến việc chém người gây Tơng tích và công an huyện An Dương, thành phố Hải Phòng giải quyết. Hai bên gia đình và bạn bè đã khuyên ngăn hòa giải nhiều nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trở lên trầm trọng. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Trong thời gian ly thân không ai quan tâm đến ai, kinh tế riêng biệt. Hiện nay anh T vào điều trị tại Bệnh viện tâm thần Hải Phòng để cai nghiện ma túy, anh T không có tiền sử bệnh tâm thần, do anh sử dụng ma túy nhiều năm lên bị ảo giác. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, sống chung không có hạnh phúc đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

- Về con chung: Anh chị có hai con chung là Trần Thị Ánh T, sinh ngày 13/12/2001 và Trần Trọng Nam T, sinh ngày 18/10/2006. Ly hôn, con Trần Thị Ánh T đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết; chị T đề nghị Tòa án giao con Trần Trọng Nam T cho chị nuôi. Việc cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn – anh Trần Trọng T trình bày như sau:

Anh và chị Trần Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện được sự đồng ý của hai bên gia đình đám cưới được tổ chức theo phong tục Việt Nam. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đa Phúc, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng ngày 15/3/2001. Quá trình chung sống anh chị sống hòa thuận, hạnh phúc nhiều lúc do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng Tơng xảy ra cãi vã. Mâu thuẫn căng thẳng từ tháng 02 năm 2022 anh có vi phạm pháp luật về cố ý gây Tơng tích hiện Công an huyện An Dương đang giải quyết đã ra quyết định khởi tố. Từ việc đó vợ chồng ngày càng căng thẳng dẫn đến vợ chồng xô sát cãi nhau. Hai bên gia đình đã khuyên ngăn hòa giải nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trở lên trầm trọng. Hiện nay anh chị đã sống ly thân. Nay chị T có đơn xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh chị có hai con chung là Trần Thị Ánh T, sinh ngày 13/12/200y và Trần Trọng Nam T, sinh ngày 18/10/200x. Ly hôn, con Trần Thị Ánh T đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh đồng ý giao con Trần Trọng Nam T cho chị T nuôi. Việc cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay sức khỏe của anh đã ổn định, nhận thức và giao tiếp được với mọi người, anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Tại phiên toà, chị T giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Trọng T.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, T ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ, tham gia phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử, xử: Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T được ly hôn anh Trần Trọng T. Về việc nuôi con: Con Trần Thị Ánh T, sinh ngày 13/12/2001 đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Giao con chung Trần Trọng Nam T, sinh ngày 18/10/2006 cho chị T nuôi. Việc cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về việc chia tài sản: Anh chị không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết. Về án phí: Chị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng dân sự:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn anh Trần Trọng T cư trú trên địa bàn quận Lê Chân nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Lê Chân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, ông Trần Trọng T và bà Nguyễn Thị Kim là bố mẹ anh T được triệu tập là người đại diện hợp pháp cho anh T do anh T điều trị tại Bệnh viện tâm thần Hải Phòng. Tòa án đã T hành xác minh tại Bệnh viện tâm thần Hải Phòng thì anh T không có tiền sử bệnh tâm thần, anh T bị kích động do sử dụng chất ma túy, tiền sử của anh T là sử dụng ma túy, thời điểm hiện tại anh T có nhận thức được và thể giao tiếp bình Thường. Tòa án có công văn gửi Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố Hải Phòng cử người bảo vệ quyền và lợi ích cho anh T và ngày 03/8/2022 Trung tâm có công văn số 100/TGPL-PDS.ĐĐ về việc anh T không thuộc đối tượng được trợ giúp pháp lý theo quy định do đó Trung tâm không có căn cứ để cử người thực hiện trợ giúp pháp lý cho anh T. Ngoài ra, Tòa án xác minh tại địa phương thì anh T sử dụng ma túy nhiều năm nay, không bị bệnh tâm thần. Anh T có nghiện ma túy nhưng không phá tán tài sản của gia đình và Tòa án đã giải thích, hướng dẫn cho chị T và bố mẹ anh T thực hiện yêu cầu Tòa án tuyên bố anh T mất, hạn chế năng lực hành vi dân

sự nhưng chị T và bố mẹ anh T không có yêu cầu tuyên bố anh T là người mất, hạn chế năng lực hành vi dân sự theo Điều 22, 24 Bộ luật Dân sự do đó Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Vì vậy, anh T không bị mất, hạn chế năng lực hành vi dân sự nên Hội đồng xét xử thấy không cần thiết đưa ông T, bà Kim tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện hợp pháp cho anh T trong vụ án.

[3] Tại phiên tòa, anh T vắng mặt nhưng có ý kiến đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân:

[3] Chị Trần Thị T và anh Trần Trọng T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đa Phúc, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng ngày 15/3/2001. Vì vậy, hôn nhân giữa chị T và anh T là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn anh chị sống hòa thuận đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm và anh T nghiện ma túy nhiều năm nay dẫn đến việc vợ chồng xảy ra xô sát đánh cãi nhau. Năm 2012, anh T bị Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh xử 07 năm tù về tội vận chuyển trái phép chất ma túy và được ra tù năm 2018. Hiện nay anh T đang liên quan đến việc chém người gây Tội phạm và công an huyện An Dương, thành phố Hải Phòng giải quyết. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Trong thời gian ly thân không ai quan tâm đến ai, kinh tế riêng biệt.

[4] Qua xác minh, thu thập chứng cứ thể hiện nguyên nhân mâu thuẫn chính là do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm và anh T nghiện ma túy nhiều năm nay dẫn đến việc vợ chồng xảy ra xô sát đánh cãi nhau. Hai bên gia đình đã khuyên ngăn hòa giải nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở lên trầm trọng. Chị T xin ly hôn anh T và quan điểm của anh T đồng ý ly hôn với chị T. Xét mâu thuẫn giữa chị T và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh T.

+ Về việc nuôi con:

[5] Chị Trần Thị T và anh Trần Trọng T có hai con chung là Trần Thị Ánh T, sinh ngày 13/12/2001 và Trần Trọng Nam T, sinh ngày 18/10/2006. Anh chị thỏa thuận con Trần Thị Ánh T đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết; giao con Trần Trọng Nam T cho chị T nuôi và cháu T cũng có nguyện vọng được ở cùng chị T. Xét thỏa thuận trên là tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật nên cần áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con của chị T và anh T. Việc cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

+ Về việc chia tài sản:

[6] Chị Trần Thị T và anh Trần Trọng T không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

- Về án phí:

[7] Chị Trần Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo:

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Trần Trọng T.

- Về việc nuôi con: Con chung Trần Thị Ánh T, sinh ngày 13/12/200y đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Giao con chung Trần Trọng Nam T, sinh ngày 18/10/200x cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về việc chia tài sản: Chị Trần Thị T và anh Trần Trọng T không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

- Về án phí: Chị Trần Thị T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0005278 ngày 06/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Chị Trần Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo đối với bản án: Chị Trần Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Trần Trọng T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Lê Chân;
- Chi cục THADS quận Lê Chân;
- UBND xã Đa Phúc, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (ĐKKH ngày 15/3/2001);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Hương

Nơi nhận:

- VKSND quận Lê Chân;
- Chi cục THADS quận Lê Chân;
- UBND xã Đa Phúc, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (ĐKKH ngày 15/3/2001);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Hương

